| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC L – TỈNH BẠC LIÊU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 60/2017/DS-ST
Ngày: 29/9/2017
*"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC L - TỈNH BẠC LIÊU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Đang.**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Nguyễn Hồng Lành.**
2. Bà **Lê Ái Nguyên.**

***Thư ký Tòa án:*** Ông **Ngô Văn Trường -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước L.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long***: Ông **Trương Quốc Tuấn** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2017/TLST – DS ngày 10 tháng 7 năm 2017, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2017/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 121/2017/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông **Trần Th.L** – sinh năm 1956.

Địa chỉ: Khu dân cư k, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

*Bị đơn:* Anh **Trần H.H** – sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Liêng Thị N.Tr.**

Địa chỉ: Khu dân cư k, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Ông L có mặt tại phiên tòa, anh H và bà Tr vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, khởi kiện ngày 10 tháng 7 năm 2017, ngày 25 tháng 7 năm 2017, ngày 03 tháng 8 năm 2017 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án ông L trình bày: Vào ngày 29/01/2013 âm lịch ông L có cho anh H vay số tiền 70.000.000đ, không có thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận đúng hai năm H sẽ trả tiền cho ông L. Ông L xác định khi giao tiền có làm biên nhận do anh H viết và ký tên. Đến ngày 08 tháng 11 năm 2016 âm lịch anh H có kêu bà Tr là vông L vay số tiền 5.000.000đ bên ngoài dùm anh H để anh H trả nợ gốc cho ông L, hứa trong thời hạn 01 tuần anh H sẽ trả cho ông L gốc 5.000.000đ và lãi suất tiền vay bên ngoài của số tiền 5.000.000đ. Do anh H không giữ đúng lời hứa hẹn, không trả cho ông L và bà Tr khoảng tiền gốc và lãi suất nào, nên ông L yêu cầu anh H trả cho ông L và bà Tr nợ gốc 70.000.000đ và lãi suất của khoản tiền 5.000.000đ vay bên ngoài trong 7 tháng là 10.500.000đ.

* Bị đơn anh H thừa nhận anh H có vay của ông L số tiền 70.000.000đ, không có thỏa thuận lãi suất, anh H đã trả cho ông L được số tiền 15.000.000đ, chỉ còn nợ lại ông L 55.000.000đ, chỉ đồng ý trả cho ông L số tiền 55.000.000đ.

**** Tại phiên tòa:***

- Ông L xác định anh H không có trả cho anh L khoản tiền nào cả. Ông L yêu cầu anh H trả cho ông L và bà Tr 70.000.000đ, yêu cầu tính lãi suất chậm trả.

- Ông L rút yêu cầu tính lãi suất trong giai đoạn xét xử đối với khoản nợ gốc 70.000.000đ và lãi suất 10.500.000đ.

- Không có đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực H đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử và Thư ký tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực H đúng theo quy định của pháp luật. Ông L tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, bà Tr và anh H vi phạm khoản 15 và 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của ông L. Buộc anh H trả cho ông L và bà Tr số tiền 70.000.000đ. Anh H phải chịu lãi suất chậm thực H nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án. Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của ông L.

**** Các tình tiết của vụ án:***

- Anh H thừa nhận có vay ông L 70.000.000đ.

- Anh H xác định đã trả cho ông L được 15.000.000đ, ông L không thừa nhận, anh H không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh anh H đã trả cho ông L số tiền 15.000.000đ.

- Ông L rút yêu cầu tính lãi suất trong giai đoạn xét xử, chỉ yêu cầu tính lãi suất chậm thực H nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Ông L khởi kiện yêu cầu anh H trả tiền nợ vay, được Tòa án nhân dân huyện Phước L thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do bà Tr và anh H vắng mặt tại phiên tòa không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông L: Ông L khởi kiện yêu cầu anh H trả số tiền vay 70.000.000đ cho ông L và bà Tr, tại bản tự khai ngày 25 tháng 7 năm 2017 anh H thừa nhận có vay của ông L 70.000.000đ. Do anh H thừa nhận có vay nợ ông L, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, được Hội đồng xét xử làm căn cứ khi giải quyết án.

[4] Anh H xác định có trả cho ông L được số tiền 15.000.000đ, ông L không thừa nhận lời trình bày của anh H, anh H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho trình bày của anh H là có căn cứ và hợp pháp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của anh H.

[5] Ông L tự nguyện rút yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 70.000.000đ và rút yêu cầu lãi suất 10.500.000đ, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của ông L.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ buộc anh Trần H.H trả cho ông Trần Th.L và bà Liêng Thị N.Tr số tiền nợ vay là 70.000.000đ. Anh H phải chịu lãi suất chậm thực H nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án.

[8] Về án phí dân sự có giá ngạch trong vụ án:

- Do ông L được chấp nhận yêu cầu, nên ông L không phải chịu án phí. Ông L là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và án phí, được Tòa án miễn nộp tạm ứng án phí, nên không phải hoàn tiền lại cho ông L.

- Anh Trần H.H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

# QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

**1**. Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của ông Trần Th.L đối với anh Trần H. H

**2.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của ông Trần Th.L, buộc anh Trần H.H trả cho ông Trần Th.L và bà Liêng Thị N.Tr số tiền 70.000.000đ.

**3. Về án phí dân sự có giá ngạch:** Buộc anh Trần Hữu H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ là 3.500.000đ.

"*Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự*".

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thị Đang**

**Nơi nhận**
- VKSND huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.